

Số: 124/QĐ-STP

Ninh Bình, ngày 06 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp  
Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015**

**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH**

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở; Thành viên Ban Chỉ đạo ISO; Trưởng các phòng, đơn vị và cán bộ, công chức, người lao động thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (để bc);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Tư pháp (M)  
Email: stp@ninhbinh.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh Ninh Bình  
Thời gian ký: 06/11/2020 16:10:22

**Phạm Minh Thường**



PHỤ LỤC

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH ĐƯỢC  
CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 124/QĐ-STP ngày 06 tháng 11 năm 2020)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
<b>I. Thủ tục, hướng dẫn theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng</b>				
1.	Chính sách chất lượng	CSCCL	01	
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01	
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	01	
4.	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	HD-01	01	
5.	Hướng dẫn quản lý rủi ro và cơ hội	HD-02	01	
6.	Hướng dẫn đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	HD-03	01	
7.	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD-04	01	
<b>II. Quy trình giải quyết TTHC</b>				
<b>1. Lĩnh vực Lý lịch Tư pháp</b>				
8.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	QT-01/LLTP	01	
9.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	QT-02/LLTP	01	
10.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	QT-03/LLTP	01	
<b>2. Lĩnh vực Quốc tịch</b>				
11.	Nhập quốc tịch Việt Nam	QT-01/QT	01	
12.	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-02/QT	01	
13.	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-03/QT	01	
14.	Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-04/QT	01	
15.	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	QT-06/QT	01	
<b>3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>				
16.	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	QT-01/BTNN	01	
17.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-02/BTNN	01	
18.	Phục hồi danh dự	QT-03/BTNN	01	
<b>4. Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>				
19.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	QT-01/CN	01	
20.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT-02/CN	01	



**PHỤ LỤC**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH ĐƯỢC**  
**CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 124/QĐ-STP ngày 06 tháng 11 năm 2020)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
<b>I. Thủ tục, hướng dẫn theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng</b>				
1.	Chính sách chất lượng	C_SCL	01	
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01	
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	01	
4.	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	HD-01	01	
5.	Hướng dẫn quản lý rủi ro và cơ hội	HD-02	01	
6.	Hướng dẫn đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	HD-03	01	
7.	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD-04	01	
<b>II. Quy trình giải quyết TTHC</b>				
<b>1. Lĩnh vực Lý lịch Tư pháp</b>				
8.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	QT-01/LLTP	01	
9.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	QT-02/LLTP	01	
10.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	QT-03/LLTP	01	
<b>2. Lĩnh vực Quốc tịch</b>				
11.	Nhập quốc tịch Việt Nam	QT-01/QT	01	
12.	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-02/QT	01	
13.	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-03/QT	01	
14.	Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-04/QT	01	
15.	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	QT-06/QT	01	
<b>3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>				
16.	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	QT-01/BTNN	01	
17.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-02/BTNN	01	
18.	Phục hồi danh dự	QT-03/BTNN	01	
<b>4. Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>				
19.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	QT-01/CN	01	
20.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT-02/CN	01	

**5. Lĩnh vực Công chứng**

21.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	QT-01/CC	01	
22.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-02/CC	01	
23.	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	QT-03/CC	01	
24.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	QT-04/CC	01	
25.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	QT-05/CC	01	
26.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	QT-06/CC	01	
27.	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	QT-07/CC	01	
28.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi	QT-08/CC	01	
29.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể	QT-09/CC	01	
30.	Xóa đăng ký hành nghề công chứng	QT-10/CC	01	
31.	Thành lập Văn phòng công chứng	QT-11/CC	01	
32.	Hợp nhất Văn phòng công chứng	QT-12/CC	01	
33.	Sáp nhập Văn phòng công chứng	QT-13/CC	01	
34.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	QT-14/CC	01	
35.	Thành lập Hội công chứng viên	QT-15/CC	01	
36.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	QT-16/CC	01	
37.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	QT-17/CC	01	
38.	Cấp lại Thẻ công chứng viên	QT-18/CC	01	
39.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	QT-19/CC	01	
40.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	QT-20/CC	01	
41.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	QT-21/CC	01	
42.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	QT-22/CC	01	
43.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	QT-23/CC	01	

44.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng chuyên đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	QT-24/CC	01	
<b>6. Lĩnh vực Giám định tư pháp</b>				
45.	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	QT-01/GĐTP	01	
46.	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	QT-02/GĐTP	01	
47.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	QT-03/GĐTP	01	
48.	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	QT-04/GĐTP	01	
49.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	QT-05/GĐTP	01	
50.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	QT-06/GĐTP	01	
51.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng	QT-07/GĐTP	01	
52.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	QT-08/GĐTP	01	
<b>7. Lĩnh vực Hòa giải thương mại</b>				
53.	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	QT-01HGTM	01	
54.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm hoà giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp giấy phép nhận thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở trung tâm hoà giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	QT-02/HGTM	01	
55.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	QT-03/HGTM	01	
56.	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	QT-04/HGTM	01	
57.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	QT-05/HGTM	01	
58.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	QT-06/HGTM	01	

59.	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	QT-08/HGTM	02	
60.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	QT-09/HGTM	01	
61.	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	QT-11/HGTM	01	
<b>8. Lĩnh vực Luật sư</b>				
62.	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	QT-01/LS	01	
63.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	QT-02/LS	01	
64.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	QT-03/LS	01	
65.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	QT-04/LS	01	
66.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	QT-05/LS	01	
67.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	QT-06/LS	01	
68.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	QT-07/LS	01	
69.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	QT-08/LS	01	
70.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	QT-09/LS	01	
71.	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	QT-11/LS	01	
72.	Hợp nhất công ty luật	QT-12/LS	01	
73.	Sáp nhập công ty luật	QT-13/LS	01	
74.	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	QT-14/LS	01	
75.	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyên đổi từ công ty luật nước ngoài	QT-18/LS	01	
<b>9. Lĩnh vực Quản tài viên hành nghề quản lý, thanh lý tài sản</b>				
76.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	QT-01/TLTS	01	
77.	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh	QT-02/TLTS	01	

	hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản			
78.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT-03/TLTS	01	
79.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	QT-04/TLTS	01	
80.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT-05/TLTS	01	
<b>10. Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý</b>				
81.	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	QT-01/TGPL	01	
82.	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QT-02/TGPL	01	
83.	Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	QT-03/TGPL	01	
84.	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QT-04/TGPL	01	
85.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QT-05/TGPL	01	
<b>11. Lĩnh vực Trọng tài thương mại</b>				
86.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	QT-01/TTTM	01	
87.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	QT-02/TTTM	01	
88.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT-03/TTTM	01	
89.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-04/TTTM	01	
90.	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	QT-05/TTTM	01	
91.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT-09/TTTM	01	
<b>12. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật</b>				
92.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	QT-01/TVPL	01	
93.	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	QT-02/TVPL	01	

94.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	QT-03/TVPL	01	
95.	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	QT-04/TVPL	01	
96.	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	QT-05/TVPL	01	
97.	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	QT-06/TVPL	01	
<b>13. Đấu giá tài sản</b>				
98.	Cấp thẻ đấu giá viên	QT-01/ĐG	01	
99.	Cấp lại thẻ đấu giá viên	QT-03/ĐG	01	
100.	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT-04/ĐG	01	
101.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT-05/ĐG	01	
102.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT-08/ĐG	01	
103.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT-09/ĐG	01	
104.	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	QT-11/ĐG	01	
105.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	QT-12/ĐG	01	
<b>14. Lĩnh vực Thừa phát lại</b>				
106.	Đăng ký tập sự hành nghề thừa phát lại	QT-01/TPL	01	
107.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề thừa phát lại	QT-02/TPL	01	
108.	Đăng ký tập sự hành nghề và cấp thẻ thừa phát lại	QT-03/TPL	01	
109.	Cấp lại thẻ thừa phát lại	QT-04/TPL	01	
110.	Thành lập Văn phòng thừa phát lại	QT-05/TPL	01	
111.	Đăng ký hoạt động Văn phòng thừa phát lại	QT-06/TPL	01	
112.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng thừa phát lại	QT-07/TPL	01	
113.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng thừa phát lại	QT-08/TPL	01	
114.	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình Văn phòng thừa phát lại	QT-09/TPL	01	
115.	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	QT-10/TPL	01	
116.	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	QT-11/TPL	01	
117.	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	QT-12/TPL	01	
118.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	QT-13/TPL	01	
<b>15. Lĩnh vực Hộ tịch</b>				
119.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-01/HT	01	
<b>III. Quy trình nội bộ</b>				
120.	Quy trình quản lý công tác văn thư - lưu trữ	QT-01.VP	01	
121.	Quy trình quản lý và đăng tin trên Cổng thông tin điện tử (Website) của Sở Tư pháp/	QT-02.VP	01	
122.	Quy trình xin nghỉ phép, xin nghỉ ốm hoặc xin nghỉ việc riêng của cán bộ, công chức, lao động hợp đồng	QT-03.VP	01	



	Sở			
123.	Quy trình tổ chức cuộc thanh tra	QT-01.TTr	01	
124.	Quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu	QT-02.TTr	01	
125.	Quy trình giải quyết khiếu nại lần hai	QT-03.TTr	01	
126.	Quy trình giải quyết tố cáo	QT-04.TTr	01	

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ**  
**SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH**  
**(LẦN THỨ 1)**

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình phù  
hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015  
đối với hoạt động quản lý nhà nước**  
*(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 114/QĐ-STP  
Ngày 06 tháng 11 năm 2020)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.**

*Ninh Bình, ngày 06 tháng 11 năm 2020*

**GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Tư pháp (M)  
Email: [stphap@ninhbinh.gov.vn](mailto:stphap@ninhbinh.gov.vn)  
Cơ quan: Tỉnh Ninh Bình  
Thời gian ký: 06/11/2020 16:10:22

**Phạm Minh Thường**

Ninh Bình, ngày 06 tháng 11 năm 2020

**BẢN XÁC NHẬN**

**Hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN  
ISO 9001:2015 tại Sở Tư pháp**

**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH**

*Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;*

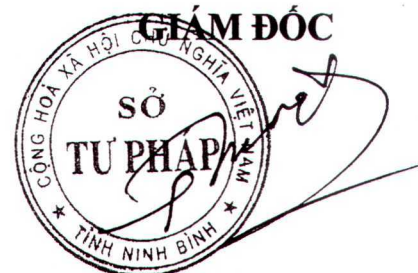
*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.*

**XÁC NHẬN:**

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình có hiệu lực đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính theo đúng tiêu chuẩn quốc gia và mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng của Bộ Khoa học và Công nghệ./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở KH&CN (để tổng hợp);
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở (để chi đạo);
- Lưu: VT.



**Phạm Minh Thường**